

Bản án số: 351/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2026
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 596/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Căn cước công dân số 096064008236; cấp ngày 17/3/2025; nơi cấp: **Bộ C**.

Nơi cư trú: **Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Bà **Trần Hồng S**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Căn cước công dân số 096165006793; cấp ngày 12/5/2025; nơi cấp: **Bộ C**.

Nơi cư trú: **Ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2026 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trần Quốc T** trình bày: Vào năm 1982 ông và bà **Trần Hồng S** chung sống như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà **S** đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, bên cạnh đó ông là con trai út, bà **S** làm dâu nhưng khi cha mẹ ông về sống chung thì bà **S** thiếu sự quan tâm đến ông và

cha mẹ ông, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông và bà S đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Hồng S. Về con chung, có hai người tên là Trần Ngọc H (giới tính nam), sinh năm 1983 và Trần Châu A (giới tính nam), sinh năm 1987, cả hai người con hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên ông không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Hồng S trình bày: Về thời gian chung sống như vợ chồng đúng như ông T đã khai. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn thì ông T trình bày không đúng, bà vẫn quan tâm đến ông T và gia đình chồng chứ không phải thiếu sự quan tâm nhưng có thời gian do phải chăm sóc cha mẹ chồng nằm viện và bà bị phỏng nặng, từ đó khi cha mẹ ông Trương V sống chung thì bà không thể trực tiếp chăm sóc nên vì lý do như vậy ông T cho rằng bà thiếu quan tâm. Nhưng bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Bà xác định bà còn tình cảm giành cho ông Trương M hàn gắn đoàn tụ gia đình nên bà không đồng ý ly hôn với ông T. Con chung có hai người hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Trương khởi K yêu cầu ly hôn với bà S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà S cư trú tại ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, ông T và bà S chung sống như vợ chồng từ năm 1982 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì ông T và bà S đã xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, ông T cho rằng quá trình chung sống giữa ông T và bà S đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và ông Trương là con trai út, bà S làm dâu nhưng khi cha mẹ ông Trương V sống chung thì bà S thiếu sự quan tâm nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông T và bà S đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Bà S cho rằng mâu thuẫn ông T trình bày là không đúng, bà S vẫn quan tâm đến ông T cũng như cha mẹ ông T nhưng bà S có thời gian bị phỏng nặng do phải chăm sóc cha mẹ chồng nằm viện, từ đó không trực tiếp chăm sóc đối với cha mẹ ông Trương N vì lý do đó ông T cho rằng bà S thiếu quan tâm, bà S xác định cuộc sống hôn nhân giữa

bà S với ông Trương V1 còn hạnh phúc, bà S còn tình cảm giành cho ông T và muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy, trong đời sống chung giữa vợ chồng ông T và bà S có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn thì các đương sự trình bày không thống nhất với nhau. Nhưng ông T và bà S đều thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay mà không hàn gắn, đoàn tụ được nên từ đó ông T yêu cầu được ly hôn. Tại phiên tòa, ông Trương V1 cương quyết yêu cầu ly hôn với bà S. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho ông Trương ly H1 với bà S là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có hai người tên là Trần Ngọc H (giới tính nam), sinh năm 1983 và Trần Châu Á (giới tính nam), sinh năm 1987. Hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không đặt ra xem xét.

[4] Ông T và bà S xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trương P chịu. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp số tiền án phí phải chịu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Quốc Trương ly H1 với bà Trần Hồng S.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Trần Quốc T được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Ân Nguyễn Kim H2

Lê Hồng H3

